

*BỨC TRANH VĂN HOÁ LÀNG
TRONG NHẬN THỨC VỀ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI
CỦA NGƯỜI XỨ THANH QUA TỤC NGỮ VÀ CA DAO*

DƯƠNG THỊ DUNG
(Cao học 1, Đại học Hồng Đức)

1. Mở đầu

Thuật ngữ *nhận thức* xuất hiện nhiều khi nghiên cứu về con người, như trong triết học, tâm lí học, lôgic học và các khoa học khác; hiện nay càng xuất hiện nhiều trong ngôn ngữ học. Hoàng Phê trong [5, tr. 712] định nghĩa nhận thức với hai cách hiểu: “I d - Quá trình hoặc kết quả phản ánh và tái hiện hiện thực vào trong tư duy; quá trình con người nhận biết, hiểu biết thế giới khách quan, hoặc kết quả của quá trình đó. *Nâng cao nhận thức, Có nhận thức đúng. Những nhận thức sai lầm.* IIđg - Nhận ra và biết được, hiểu được. *Nhận thức được vấn đề. Nhận thức rõ khó khăn và thuận lợi.* Ở Việt Nam, nhận thức trong ngôn ngữ đã trở thành một trào lưu nghiên cứu rất phát triển tạo nên một “Việt ngữ học tri nhận” (chữ dùng của Trần Văn Cơ trong bài báo cùng tên) khi nghiên cứu tiếng Việt.

Tục ngữ và ca dao là đối tượng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm từ trước đến nay, tuy nhiên các tác giả mới chỉ dừng lại tiếp cận đối tượng trên bình diện văn học dân gian, thi pháp, văn hóa, cấu trúc, ngữ nghĩa - chức năng, ngữ nghĩa - ngữ dụng... chứ chưa nhiều người đứng ở góc độ xem xét nhận thức của con người với tư cách là chủ thể của tự nhiên và xã hội. Và ở địa

phương Thanh Hóa cũng chưa có công trình nghiên cứu nào về phương diện này trong tục ngữ và ca dao Thanh Hóa. Trong nhận thức về tự nhiên và xã hội của con người nơi đây qua tục ngữ và ca dao Thanh Hóa nổi bật với bức tranh văn hóa làng nhiều màu sắc, làm nên sắc thái văn hóa độc đáo.

Trong bài báo này chúng tôi sử dụng tư liệu tục ngữ và ca dao trong cuốn *Tục ngữ, ca dao, dân ca, về Thanh Hóa* của Lê Huy Trâm, Hoàng Khởi, Lưu Đức Hạnh (1983), Nxb Thanh Hóa và ca dao trong cuốn *Ca dao sưu tầm ở Thanh Hóa* của Nhóm Lam Sơn (1963), Nxb Văn học, Hà Nội.

2. Nội dung

Cơ cấu xã hội được hình thành do sự tạo thành từ các làng, đây là “những tế bào sống vốn sinh thành một cách tự nhiên” [6]. Trong đó chứa đựng rất nhiều nét văn hóa bởi làng là “một đơn vị xã hội của văn hóa Việt Nam, làng của người Việt là một môi trường văn hóa. Ở đó, mọi thành tố, mọi hiện tượng văn hóa được sinh thành phát triển, lưu giữ và trao truyền tới mọi cá thể” [9, tr. 47]. Làng xứ Thanh cũng có nhiều đặc trưng giống các làng khác trên đất nước Việt Nam nhưng có sự khác biệt nhất định, bởi phản ánh nét văn hóa xứ Thanh rất riêng.

Chính điều này chi phối đến nhận thức tự nhiên và xã hội của con người nơi đây.

Tục ngữ và ca dao Thanh Hóa đã phản ánh rõ nét văn hóa làng. Tần số xuất hiện mức độ dày đặc tên các làng với rất nhiều cách gọi tên khác nhau như kê, xá, trang, làng, xóm... ở trong ca dao Thanh Hóa, đặc biệt là tục ngữ. Cách gọi tên *kê* xuất hiện từ rất sớm, theo nhóm tác giả trong [4, tr. 139] “ở Thanh Hóa, “*kê*” là đơn vị có trước làng, thôn, hương, giáp, xã. Bản đồ về “*kê*” ở Thanh Hóa phản ánh hồi quang cuộc sống của cư dân xứ Thanh cách đây trên 3000 năm”. Đây là cách gọi tên mang nhiều nghĩa khác nhau, trong đó với cơ cấu tổ chức xã hội có nghĩa là chỉ nơi chốn, quê quán. Nó mở đầu cho hình thức sơ khai của văn hóa làng Thanh Hóa:

- Thích ăn cá món

Lấy chồng kê bể. [3, tr.43 - 44]

- Đường kê Khoai vừa thanh vừa mát

Sông kê Khoai san sát thuyền bè. [3, tr.36]

Làng là từ thuần Việt, cách gọi này rất phổ biến:

- Làng Vạc ăn cỗ ông Nghè

Làng Vận làng Chè kéo đá ông Đăng. [3, tr.52]

- Vàng mã làng Giàng, chè lam Phủ Quảng. [8, tr.23]

Nếu *làng* là nhóm cư dân hỗn hợp của nhiều dòng họ tập hợp trong cộng đồng cư dân thì *xá* là từ Hán Việt, cũng được dùng để chỉ nhóm cư dân nhưng cách gọi này rất ít dùng, thường đi kèm tên gọi địa danh (tên làng) và đứng sau, hợp thành tên riêng:

- Khoai ao Lang Xá, chè lá Phú Điền. [8, tr.24]

- Bần - nguyên lăm cá,

Mau - xá lăm sen. [3, tr.50]

Cách gọi tên từ kê - làng - xá đã phản ánh được nhận thức của người dân xứ Thanh về sự hình thành cơ cấu tổ chức cộng đồng, còn

phản ánh cả một quá trình hình thành làng ở Thanh Hóa. Đó là cả một thời kì lịch sử lâu dài sinh tụ của cư dân cổ cho đến thời kì hình thành đời sống nông nghiệp, manh nha xã hội sơ khai và hoàn thiện dần theo lịch sử.

2.1. Bức tranh văn hóa làng trong nhận thức về tự nhiên của người xứ Thanh

Thiên nhiên vốn là thứ của cải mà trời đất ban tặng cho con người nhưng có những biến đổi không ngừng và ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt của con người. Thanh Hóa là vùng nằm trong vị trí địa lí thuận lợi được thiên nhiên ưu đãi nhưng cũng không ít khó khăn. Hơn 90% người dân sống bằng nghề nông ngư nghiệp nên thiên nhiên lại càng quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất, sinh hoạt. Điều kiện tự nhiên ở Thanh Hóa cũng phong phú như đất nước ta nói chung nhưng sự biểu hiện lại mang đặc trưng riêng trong nhận thức của người dân xứ Thanh. Đó là nhận thức về các hiện tượng tự nhiên và ứng xử với tự nhiên thông qua bài học kinh nghiệm về thời tiết, về lao động sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt thủy sản). Đó là nhận thức về vị trí địa lí hay những sản vật mà thiên nhiên ban tặng cho mảnh đất quê hương mình. Qua sự nhận thức tự nhiên này có thể thấy, con người Thanh Hóa đã luôn lấy làng của mình làm cơ sở cho mọi nhận thức đó. Chẳng hạn, trong nhận thức về thời tiết, người dân ở mỗi vùng có những dự báo khác nhau. Những công cụ dự báo chỉ là quan sát bằng giác quan và dùng các sự vật xung quanh của làng mình như hòn Mê, núi Đọ, núi Nưa, núi Sậy làm định vị cho phán đoán đó.

- *Mây đen mù mịt tứ bể, bao giờ trông thấy hòn Mê thì mừng.* [8, tr.24]

- *Mây che núi Đọ thì mưa.* [8, tr.25]

Hay dựa vào kinh nghiệm về thời gian trong thực tế lịch sử của địa phương mình như khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng

10 dương lịch hoạt động mạnh của bão gây ra mưa lớn, gây lũ lụt. Cũng thời gian này trùng với hiện tượng lịch sử của địa phương là giỗ Lê Lai, Lê Lợi nên người dân coi đây là cái mốc để đưa ra dự báo thời tiết:

- *Hăm một giỗ ông Lê Lai, hăm hai giỗ ông Lê Lợi, hăm ba mưa trôi lá bánh.* [8, tr.18]

Thanh Hóa có diện tích rộng lớn, lại đa dạng trong địa hình từ vùng đồi núi, trung du, cho đến đồng bằng cao thấp, bậc thang, đồng chiêm trũng, đến ven biển... Ngay trong mỗi vùng cũng có sự phân hóa đa dạng các loại địa hình, chính điều này tạo nên những thuận lợi cũng như những khó khăn cho vùng đất đó. Người dân đã nhận thức được sự quanh co, ngoắt ngoéo hay những khó khăn, hiểm trở của sông ngòi với nhiều ghềnh, nước chảy xiết, nhiều kênh lạch hay vùng nước độc của địa hình làng mình:

- *Sớm bầu Nga, tối lại bầu Nga.* [8, tr.16]

- *Sông Cầu Chày chó lội đứt đuôi.* [8, tr.16]

- *Lạch Ghép khó vào, lạch Trào khó ra.* [8, tr.16]

Còn nhận thức được diện tích rộng lớn của quê hương bằng cách miêu tả hay so sánh các làng với nhau:

- *Đi cánh đồng Neo, neeo mắt lại.* [8, tr.16]

- *Cả Tổng Vân Tràng, không bằng làng Văn Trinh.* [8, tr.17]

Nhận thức được sự khó khăn hiểm trở hay thuận lợi của vị trí địa lý quê hương mình chứng tỏ sự gắn bó và tình yêu thiên nhiên của họ thật sâu sắc.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho nên ở mỗi làng quê xứ Thanh đều có những sản vật đặc trưng. Đó là tặng phẩm mà thiên nhiên ban cho vùng đất này từ những thứ làm thức ăn, thức uống được ghi nhận với rất nhiều sản vật nổi tiếng.

- *Dừa làng Nghĩa, mía làng Tào.* [8, tr.23]

- *Đồn rằng Án-đổ lắm chè*

Tổng-sơn lắm mía, chợ Nghè lắm khoai. [3, tr.49]

Bên cạnh đó, các làng khác còn nổi tiếng với các loại cây công nghiệp như cói, quế, gỗ, bông... Từ các loại cây đó, người dân làm ra các sản phẩm phục vụ cho cuộc sống, cho lao động sản xuất như chiếu, bò, nạng, thúng, giấy... Đi kèm theo nó là một làng nghề truyền thống:

- *Tơ làng Hồng, bông làng Vạc.* [8, tr.22]

- *Giấy làng Mơ, thơ Hoằng Hóa.* [8, tr.23]

Người dân xứ Thanh bao đời gắn bó với mảnh đất quê hương nên họ am hiểu tự nhiên để tìm ra quy luật hoạt động của chúng và đúc rút thành các bài học kinh nghiệm qua ca dao, tục ngữ Thanh Hóa. Để từ đó một mặt sống hòa hợp, thích nghi với thiên nhiên, mặt khác còn tìm cách biến đổi, cải tạo nhằm giảm thiểu mặt trái mà thiên nhiên mang đến cho vùng đất này. Qua đó cũng thấy được tình yêu với thiên nhiên, với làng xóm của con người xứ Thanh.

2.2. Bức tranh văn hóa làng trong nhận thức về xã hội của người xứ Thanh

Xã hội Thanh Hóa là tập hợp bởi rất nhiều thành tố tạo nên, trong đó mỗi yếu tố này lại được chi phối và hình thành gắn với văn hóa làng. Làng Thanh Hóa còn là nơi lưu giữ nét văn hóa riêng của mỗi vùng quê Thanh Hóa gắn với ý niệm của người dân với truyền thống lâu đời. Biểu hiện trong phong tục tập quán, lễ tục, lễ hội, tính cách con người, làng nghề thủ công, lịch sử...

Ca dao tục ngữ Thanh Hóa giới thiệu một số lễ hội lễ tục mang tính bản địa, mang dấu ấn riêng của mỗi làng ở cả vùng đồng bằng, miền núi và vùng biển. Lễ tục đó diễn ra chi phạm vi hẹp trong làng, trong xã mà thôi; còn thời gian tổ chức chủ yếu vào đầu xuân

năm mới khi công việc nông nhàn, cũng có khi mở hội vào mùa khác như:

- Tháng sáu hội gai, tháng hai hội mía [8, tr.19].

Nội dung hoạt động phong phú với nhiều hình thức khác nhau, như ở hoạt động tục lệ, lễ tục, lễ hội. Với tục lệ thì chỉ đơn thuần là hoạt động theo quy định của làng diễn ra hàng năm nên nó rất đơn giản, không cầu kì. Phổ biến hơn cả là các lễ hội có hình thức sơ khai như tục chơi chợ, nấu cơm thi, vật cù, săn cuốc... đặc biệt tục săn chuột ở làng Đại Khối (Thiệu Hóa) mang nét rất riêng biểu hiện văn hóa nông nghiệp lúa nước, mang đến sự giải trí, tiếng cười sảng khoái cho nhân dân sau những giờ lao động mệt nhọc:

- *Tháng mười tháng ba,*

Giáp có lệ ra đồng.

Chữ nhất, chữ nhị,

Ai cũng hòng cướp nhau... [3, tr.34]

Bên cạnh đó, còn có tục chơi chợ như chợ Hoàng (Nga Sơn), chợ Chùa, chợ Đình (Tĩnh Gia), chợ Nưa (Nông Cống), chợ Bản, chợ Chùa (Yên Định)... Chợ là nơi tụ họp để gặp gỡ, buôn bán nên chơi chợ là một nét văn hoá sinh hoạt cộng đồng:

- *Bỏ con bỏ cháu, không bỏ phiên hăm sáu chợ Hoàng* [8, tr.20].

- *Khen ai khéo mở chợ Đình*

Dưới sông, trên chợ rập rình vui thay [3, tr.6].

Hội làng phổ biến hơn cả, hầu như làng nào cũng có và biểu hiện nét văn hóa làng đặc trưng nhất. Nó có tính chất cao hơn các tục lệ trên, có cả phần hội và phần lễ nhưng phạm vi hẹp chỉ trong làng. Họ tổ chức lễ hội nhớ ơn người khai sinh lập ấp ra làng, hay có công bảo vệ làng. Chẳng hạn, với người dân Tĩnh Gia, họ yêu mến người công đá, lấp biển mở rộng đất canh tác cho nhân dân làm ăn sinh sống trước rồi sau mới tới các thần linh khác:

- *Thừa ông công đá, mới đến hà bá, thành hoàng* [8, tr.21].

Phần hội để giải trí, chủ yếu là hội đua thuyền mang tính chất văn hóa sông nước và chỉ trong phạm vi làng:

- *Lộc Long bơi thuyền, làng Vèn bơi thúng* [8, tr. 20].

Mỗi làng còn gắn với những đặc trưng trong tính cách, phẩm chất khác nhau:

- *Uống nước Vân-trai ăn ngay nói thật*

Uống nước Phú-quật ăn thật nói ngay [3, tr. 27].

- *Trai Đại Bái, gái kẻ Bôn, đút làng Vòm, mồm làng Trịnh (Chạnh)* [8, tr. 28].

Bản chất của làng còn được hiện ra trong những lời đánh giá so bì, đó có thể là sự kì thị người làng khác hay những so sánh về tính cách con người của các làng:

- *Làng Phú ở tẻ như bò*

Bút một nắm cỏ, chẳng cho, bắt liềm. [3, tr. 40]

- *Gạo chợ Nguyễn ai đong cho xiết*

Gái làng Đoài ai biết cho thông. [3, tr. 40]

Trong nhiều làng còn lưu giữ nhiều nghề thủ công truyền thống, nổi tiếng cả vùng. Những nghề nghiệp gắn với cuộc sống nông nghiệp, đó là những sản phẩm phục vụ cho cuộc sống và lao động. Đây là nét văn hóa đẹp thể hiện trong các làng nghề truyền thống:

- *Ngọc-tích đi bán vải con*

Thổ-oa gánh đất sơn son nặn nôi

Làng Nhồi đục đá nung vôi

Hương-bào trồng cải cho người ta mua. [3, tr. 37]

Lịch sử của đất nước được phản ánh qua lịch sử của làng, đó là những thời kì đấu tranh bất khuất của dân tộc. Tinh thần đấu tranh anh dũng của con người trong làng biểu hiện tinh thần tập thể quyết tâm của khối đại đoàn kết dân tộc. Họ giữ đất giữ làng chính là bảo vệ quê hương, đó là sự ý

thức về xóm làng, về quê hương, về đất nước. Làng chính là nơi truyền sức sống mãnh liệt và truyền thống đấu tranh, chờ cơ hội là bùng lên thành ngọn lửa đấu tranh mạnh mẽ.

- *Thằng Nhật có cái guơm dài*
Dân choa chỉ có nắm tay củ gừng
Trăm nắm tay choa cùng vùng tới
Cái guơm dài mi đối được chăng?

Khôn hồn rút khỏi nước Nam

Kéo choa trở phép kêu van cũng hoài. [3, tr. 62-63]

Và mỗi làng còn là nơi lưu giữ chứng tích của lịch sử xứ Thanh một thời anh hùng:

- *Ai lên Biện-thượng, Lam Sơn,*

Nhớ Lê Thái tổ chặn đường quân Minh. [3, tr.43]

- *Nhất điện Lam Kinh, nhất đình Bồ Vệ.* [8, tr.17]

Có thể nói rằng làng chính là sự biểu hiện sâu sắc về xã hội, nó là sự định vị cho sự nhận thức về xã hội của con người xứ Thanh. Mọi nhận thức về đất nước đều từ nhận thức làng mà ra.

3. Lời cuối

Nhận thức về tự nhiên và xã hội của con người xứ Thanh trong tục ngữ và ca dao Thanh Hóa gắn với bức tranh văn hóa làng. Sống cùng với thiên nhiên của làng quê mình và gắn bó máu thịt với chúng nên họ am hiểu và hình thành tâm lí sống hòa hợp, ở trong đó. Với xã hội, mỗi làng quê Thanh Hóa mang một phong cách riêng, hình thành nên tính cách, đặc trưng riêng của làng. Chính văn hóa làng đã chi phối đến nhận thức về tự nhiên và xã hội của con người xứ Thanh.

Văn hóa làng lưu giữ cho văn hóa dân tộc những nét riêng và chung, còn trường tồn mãi với thời gian. Làng Thanh Hóa được nhận thức qua kho tàng văn học dân gian đã bảo lưu được nhiều nét văn hóa cổ của thời

tiền phong kiến. Đó là những dấu tích của lịch sử dân tộc tồn tại ở các làng quê cũ trên mọi miền đất nước, Thanh Hóa đã góp vào làm cho màu sắc văn hóa dân gian thêm phong phú, đa dạng. Văn hóa làng xứ Thanh đã mang đến nét văn hóa của một nền văn minh sông Mã, nối tiếp văn minh trống đồng Đông Sơn thuở nào. Nó đã góp phần kết tinh nên sắc thái Thanh Hóa mang đặc trưng riêng bên cạnh sắc thái xứ Bắc, xứ Đông, xứ Đoài và cả xứ Nghệ ở phía trong.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận (ghi chép và suy nghĩ)*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Trần Văn Cơ (2010), *Việt ngữ học tri nhận (phác thảo một hướng nghiên cứu tiếng Việt)*, Tạp chí Ngôn ngữ số 11, tr.33-45.
3. Nhóm Lam Sơn (1963), *Ca dao sưu tầm ở Thanh Hóa*, Nxb Văn học, HN.
4. Hoàng Anh Nhân, Lê Huy Trâm (1993), *Khảo sát văn hóa làng xứ Thanh*, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
5. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, HN.
6. Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (tái bản lần thứ 2), Nxb Giáo dục.
8. Lê Huy Trâm, Hoàng Khởi, Lưu Đức Hạnh (1983), *Tục ngữ, ca dao, dân ca, về Thanh Hóa*, Nxb Thanh Hóa.
9. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (tái bản lần thứ 1), Nxb Giáo dục.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 13-06-2011)